

Số: 78/2023/QĐST-HNGĐ

Quang Bình, ngày 07 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vàng Thị S; sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 00219***7297 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/9/2021.

- Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc Th, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002089***783 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/11/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/11/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vàng Thị S và anh Hoàng Ngọc Th

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị S và anh Hoàng Ngọc Th tự nguyện thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh Hoàng Ngọc Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Trọng Ngh, sinh ngày 02/4/2013. Chị Vàng Thị S cấp dưỡng nuôi cháu Ngh cho

anh Th số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi cháu Ngh đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

c. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Vàng Thị S chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002253 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Quang Bình;
- CCTHADS huyện Quang Bình;
- UBND xã Tiên Yên, huyện Quang Bình (nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương